

Số: 964/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 918/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc Anh T**, sinh ngày 11/6/1999. Địa chỉ: D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số Căn cước: 07919902####, ngày cấp 13/8/2024 tại Bộ Công an.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn K**, sinh ngày 20/5/1998. Địa chỉ: D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số Căn cước công dân: 09309800####, ngày cấp 20/9/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Ngọc Anh T và ông Phạm Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc Anh T và ông Phạm Văn K thuận tình ly hôn.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 76/2020 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Bình Chánh (nay là Ủy ban nhân dân xã B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2020 cho bà Lê Ngọc Anh T và ông Phạm Văn K không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Lê Ngọc Anh T và ông Phạm Văn K chung sống với nhau có 01 (một) con chung là trẻ Phạm Ngọc An N, giới tính: Nữ, sinh ngày 11/11/2020. Sau khi ly hôn, bà Lê Ngọc Anh T và ông Phạm Văn K cùng thống nhất giao 01 con

chung là trẻ Phạm Ngọc An Nhiên cho bà Lê Ngọc Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Ông Phạm Văn K và bà Lê Ngọc Anh T thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 06 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 06/7/2026 cho đến khi con chung trưởng thành. Các bên có quyền thỏa thuận phương thức và địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên thực hiện giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Phạm Văn K không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Lê Ngọc Anh T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Phạm Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Lê Ngọc Anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Phạm Văn K phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

2.3. Về tài sản chung: Bà Lê Ngọc Anh T và ông Phạm Văn K xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Lê Ngọc Anh T và ông Phạm Văn K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Lê Ngọc Anh T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Lê Ngọc Anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu: BLTU/26E/0028185 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Ngọc Anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự (2).
- VKSND KV10 (2).
- THADS TP.HCM (1).
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1).
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).



2 000026 988205

THẨM PHÁN

Phan Thị Út